

Số: 01/KL-TTr

Than Uyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Công tác quản lý, sử dụng ngân sách và hoạt động tài chính khác tại Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung; Trường Tiểu học các xã, thị trấn: Mường Mít, Ta Gia, Mường Than, Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 16/QĐ-TTr ngày 25/10/2023 của Chánh Thanh tra huyện Than Uyên, thanh tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách và các hoạt động tài chính khác tại Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung; Trường Tiểu học các xã, thị trấn: Mường Mít, Ta Gia, Mường Than, Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Từ ngày 30/10/2023 đến ngày 15/12/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại các đơn vị trường học.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTTr ngày 29/12/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra huyện Kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Tổng số trường được thanh tra là 05 đơn vị, cụ thể: Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung; Trường Tiểu học các xã, thị trấn: Mường Mít, Ta Gia, Mường Than, Thị trấn Than Uyên, tổng số giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý¹ của các đơn vị là 255/262 người, tổng số học sinh là 3.502 học sinh/126 lớp học², có 03 bếp ăn bán trú với tổng số 1.170 học sinh (*Trường tiểu học xã Ta Gia 415 học sinh, Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung 301 học sinh, Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên 454 học sinh*), trong đó có trường Tiểu học thị trấn Than Uyên tổ chức nấu ăn bán trú cho học sinh theo thoả thuận của hội cha mẹ học sinh, tổng số học sinh đăng ký ăn bán trú tại trường 454 học sinh.

Nguồn kinh phí được giao để thực hiện các chế độ, chính sách đối với giáo viên, nhân viên, học sinh và đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị. Quá trình thực hiện việc quản lý, sử dụng ngân sách và hoạt động tài chính khác có một số thuận lợi, khó khăn sau:

1. Thuận lợi

Trong những năm qua các đơn vị luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của

¹. Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung số biên chế được giao 47/48 người (01 người hợp đồng bảo vệ); Trường Tiểu học xã Mường Mít, số biên chế được giao 31 người/32 người (01 người hợp đồng bảo vệ); Trường Tiểu học xã Ta Gia, số biên chế được giao 59 người/60 người (01 hợp đồng bảo vệ); Trường Tiểu học xã Mường Than, số biên chế được giao 63 người/65 người (02 người hợp đồng bảo vệ); Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên, số biên chế được giao 55/57 người (02 người hợp đồng bảo vệ);

². Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung 603 học sinh/23 lớp; Trường Tiểu học xã Mường Mít, 235 học sinh/212 lớp; Trường Tiểu học xã Ta Gia, 744 học sinh/30 lớp; Trường Tiểu học xã Mường Than, 923 học sinh/31 lớp; Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên, 997 học sinh/30 lớp;

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, chính quyền địa phương UBND các xã, thị trấn; các cơ quan chuyên môn thường xuyên hướng dẫn về nghiệp vụ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; sự đồng thuận của phụ huynh học sinh và Nhân dân trên địa bàn. Các đơn vị nhà trường đều là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập được Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ cho học sinh nghèo, học sinh bán trú và học sinh vùng đặc biệt khó khăn; cơ sở vật chất được quan tâm, đầu tư đáp ứng được hoạt động dạy và học của các đơn vị.

2. Khó khăn

Học sinh chủ yếu là người dân tộc thiểu số, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, phong tục tập quán một số vùng còn lạc hậu, nhận thức của Nhân dân đối với sự nghiệp giáo dục có mặt còn hạn chế, định mức hỗ trợ một số chế độ, chính sách cho học sinh còn thấp.

Hiệu trưởng nhà trường chủ yếu làm công tác quản lý về giáo dục, không có chuyên môn sâu trong quản lý tài chính, ngân sách, trong quá trình thực hiện còn khó khăn nhất định; một số đơn vị thiếu giáo viên chuyên môn tin học, Tiếng Anh ảnh hưởng đến công tác giảng dạy, học tập cũng như việc chi trả chế độ, chính sách cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Nội dung thanh tra thực hiện trên cơ sở kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán lưu trữ do các đơn vị cung cấp; kiểm tra, xác minh thực tế một số nội dung liên quan đến việc chi trả chính sách cho giáo viên, nhân viên, học sinh; việc mua sắm tài sản, thiết bị; bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học của các đơn vị.

Đoàn thanh tra không thực hiện thanh tra nội dung theo Kết luận³ của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu.

1. Lập dự toán ngân sách

Hàng năm, các đơn vị thực hiện lập dự toán thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; dự toán được lập theo đúng nội dung, biểu mẫu thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo mục lục ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, cơ bản tuân thủ các chính sách, chế độ, định mức tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, phù

³. Kết luận số 975/KL-SGDĐT ngày 17/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo, kết luận thanh tra công tác quản lý của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung, huyện Than Uyên.

hợp với từng nhiệm vụ chi, tuy nhiên chưa lập hồ sơ, tài liệu kèm theo dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị; bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất cùng thời điểm lập dự toán chi thường xuyên hàng năm, chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; Điều 4, Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính, quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính, quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên.

Tổng kinh phí được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên và nhiệm vụ chi không thường xuyên, số tiền 86.845.880.048 đồng, trong đó: Năm 2021, UBND huyện ban hành các quyết định bổ sung, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách, số tiền 42.554.411.821 đồng; Năm 2022, UBND huyện ban hành các quyết định bổ sung, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách, số tiền 44.291.468.227 đồng.

2. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công

Hàng năm, các đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ⁴ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; nội dung, tiêu chuẩn, định mức, chế độ bám sát các quy định của pháp luật, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị, tuy nhiên còn một số tồn tại, hạn chế:

- Việc thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị và bảo dưỡng, sửa chữa, cơ sở vật chất, hàng năm các đơn vị không quy định cụ thể định mức; không lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa và dự toán chi tiết đính kèm để bàn bạc, thống nhất trong cuộc họp cán bộ, viên chức; thiếu quy định nội dung về xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt định mức khoán⁵;

⁴. Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung: Quyết định số số 02a/QĐ-THTM ngày 03/01/2021, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Quyết định số 01/QĐ-THTM ngày 14/01/2022, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 248/QĐ-THTM ngày 01/8/2022 về ban hành sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Trường Tiểu học xã Mường Mít: Quyết định số số 01/QĐ-THMM ngày 01/01/2021, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Quyết định số 01/QĐ-THMM ngày 01/01/2022, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 72/QĐ-THMM ngày 01/5/2022 về ban hành sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Trường Tiểu học xã Ta Gia: Quyết định số số 01/QĐ-THTG ngày 02/01/2021, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Quyết định số 07/QĐ-THTG ngày 18/01/2022, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Trường Tiểu học xã Mường Than: Quyết định số số 01/QĐ-THMT ngày 04/01/2021, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Quyết định số 02/QĐ-THMT ngày 10/01/2022, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên: Quyết định số số 02a/QĐ-THTT ngày 03/01/2021, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Quyết định số 01/QĐ-THTT ngày 14/01/2022, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 248/QĐ-THTT ngày 01/8/2022 về ban hành sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022.

⁵. Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung, Trường Tiểu học xã Mường Mít, Trường Tiểu học xã Ta Gia, Trường Tiểu học xã Mường Than, Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên.

- Một số đơn vị căn cứ văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, đã bị thay thế, bãi bỏ, không còn phù hợp để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ⁶;

- Còn có đơn vị quy định tiền thanh toán chế độ làm thêm giờ cho giáo viên, nhân viên chưa đảm bảo theo điểm d, khoản 1, Điều 112, Bộ Luật Lao động năm 2019 (*quy định ngày nghỉ lễ Quốc khánh 02/9 là 01 ngày*)⁷;

Trong năm 2021, 2022 các đơn vị đã ban hành quy chế quản lý tài sản công⁸ đảm bảo theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 31/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý tài sản công; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản theo quy định của HĐND, UBND tỉnh Lai Châu.

3. Chấp hành dự ngân sách

Tổng chi ngân sách số tiền 86.718.215.048 đồng, trong đó: Năm 2021, thực hiện 42.431.334.721 đồng, đạt 99,7% so với dự toán giao 42.554.411.821 đồng; Năm 2022, thực hiện 44.286.880.327 đồng, đạt 99,99% so với dự toán giao 44.291.468.227 đồng.

(Chi tiết có phụ biểu 01 kèm theo)

3.1. Sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên, nguồn cải cách tiền lương

Trên cơ sở dự toán giao hàng năm các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp ngân sách kịp thời, đảm bảo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên.

Năm 2021, 2022, các đơn vị được giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, số tiền 79.175.048.400 đồng, thực hiện 79.084.480.400 đồng, đạt 99,89 % dự toán, trong đó:

Năm 2021, được giao, số tiền 39.082.973.600 đồng, thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí số tiền 38.992.405.600 đồng, đạt 99,8% dự toán giao;

Năm 2022, được giao, số tiền 40.092.074.800 đồng, thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí, số tiền 40.092.074.800 đồng, đạt 100% dự toán.

⁶. Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung: Điều 114 Bộ Luật Lao động năm 2012; Trường Tiểu học Mường Mít, Trường Tiểu học xã Ta Gia: Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ đã bị thay thế từ ngày 06/4/2015 bằng Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2021 (*Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2021 đã bị thay thế bằng Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 từ ngày 15/8/2021*).

⁷. Trường Tiểu học xã Mường Than.

⁸. Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung: Quyết định số 02b/QĐ-THTM ngày 03/01/2021, ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2021; Quyết định số 02/QĐ-THTM ngày 04/01/2022, ban hành quy chế quản lý tài sản công năm 2022; Trường Tiểu học xã Mường Mít: Quyết định số 02/QĐ-THMM ngày 05/01/2021, ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2021; Quyết định số 02/QĐ-THMM ngày 05/01/2022, ban hành quy chế quản lý tài sản công năm 2022; Trường Tiểu học xã Ta Gia: Quyết định số 02/QĐ-THTG ngày 15/01/2021, ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2021; Quyết định số 08/QĐ-THTG ngày 18/01/2022, ban hành quy chế quản lý tài sản công năm 2022; Trường Tiểu học xã Mường Than: Quyết định số 07/QĐ-THMT ngày 13/01/2021, ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2021; Quyết định số 10/QĐ-THMT ngày 17/01/2022, ban hành quy chế quản lý tài sản công năm 2022; Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên: Quyết định số 02b/QĐ-THTT ngày 03/01/2021, ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2021; Quyết định số 02/QĐ-THTT ngày 04/01/2022, ban hành quy chế quản lý tài sản công năm 2022;

Kết quả thực hiện cho thấy các đơn vị quản lý, sử dụng nguồn kinh phí cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách; các chế độ chính sách đối với giáo viên, nhân viên, học sinh được chi trả cơ bản đầy đủ, kịp thời, theo định mức quy định, phù hợp với quy chế chi tiêu nội bộ của từng đơn vị; việc mua sắm tài sản, trang thiết bị; bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ tốt cho các hoạt động thường xuyên; các khoản chi được kiểm soát, đối chiếu qua Kho bạc Nhà nước, tuy nhiên còn tồn tại, hạn chế sau:

3.1.1. Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung

Giấy rút dự toán số 32 ngày 07/4/2021, thanh toán tiền vẽ tranh tường, hoá đơn số 0000004 ngày 06/4/2021, số tiền 90.636.000 đồng; lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 92/2017/TT/BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính; Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Giấy rút dự toán số 78 ngày 31/8/2021, thanh toán tiền nghỉ phép hè năm 2021, số tiền 35.284.600 đồng; Giấy rút dự toán số 77 ngày 19/8/2022, thanh toán tiền nghỉ phép hè năm 2022, số tiền 37.372.000 đồng; chi trả không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 57/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, sai số tiền 16.391.000 đồng;

Giấy rút dự toán số 68 ngày 07/07/2021, thanh toán tiền làm lan can nhà bán trú, làm khu chế biến, giàn hoa, hoá đơn số 0000014 ngày 06/8/2021, số tiền 99.024.000 đồng; lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo quy định tại Điều 4, Thông tư số 92/2017/TT/BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính; Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT/BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 3.127.000 đồng; Giấy rút dự toán số 96 ngày 10/11/2021, thanh toán tiền làm kho sách, xích đu ngoài trời, hoá đơn số 0000027 ngày 06/8/2021, số tiền 18.693.000 đồng; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 146.000 đồng;

Giấy rút dự toán số 112 ngày 22/12/2021, thanh toán tiền mua trang phục cho giáo viên dạy thể dục; hoá đơn số 0050198 ngày 22/12/2021, số tiền 2.250.000 đồng; đơn vị cấp phát trang phục cho giáo viên chưa kịp thời đảm bảo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg, ngày 16/11/2012 của Thủ tướng chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao;

Giấy rút dự toán số 127 ngày 06/01/2022 (niên độ 2021), thanh toán tiền máy chiếu, linh kiện máy chiếu, máy in; hóa đơn số 0080860 ngày 28/12/2021, số tiền 26.640.000 đồng; lập hoá đơn, chứng từ chưa kịp thời, đảm bảo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 16, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán;

Giấy rút dự toán số 120 ngày 21/12/2022, thanh toán tiền sửa chữa khu giàn hoa, xây vườn hoa, hoá đơn số 92 ngày 21/12/2022, số tiền 7.387.000 đồng; lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thanh quyết toán (lập dự toán, thanh

toán công trình bao gồm 10% thuế GTGT) chưa đảm bảo theo quy định khoản 2, Điều 12, Điều 13, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về chi phí quản lý, đầu tư xây dựng và Điều 3, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, sai số tiền 125.000 đồng; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 227.000 đồng.

3.1.2. Trường Tiểu học xã Mường Mít

Giấy rút dự toán số 33 ngày 29/6/2021, thanh toán tiền công tác phí, số tiền 20.749.900 đồng; chi sai tiền công tác phí cho Phan Thị Cửu; Đỗ Thị Duyên; Phùng Thế Bên; Đỗ Thị Tâm; tham gia hiến máu nhân đạo, sai số tiền 840.000 đồng (*nội dung không liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn*);

Giấy rút dự toán số 57 ngày 24/9/2021, thanh toán tiền nghỉ phép hè, số tiền 20.325.800 đồng; Rút dự toán số 48 ngày 30/8/2022, thanh toán tiền nghỉ phép hè, số tiền 28.004.000 đồng; chi trả không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 57/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, sai số tiền 8.613.000 đồng;

Giấy rút dự toán số 41 ngày 20/7/2022, thanh toán tiền thay thế thiết bị tin học, hoá đơn số 00000011 ngày 11/7/2022, số tiền 18.792.000 đồng; lập hoá đơn, chứng từ chưa kịp thời, đảm bảo theo khoản 1, Điều 9, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, quy định về hoá đơn; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán;

Giấy rút dự toán số 77 ngày 07/12/2022, thanh toán tiền sửa chữa công trình nhà vệ sinh; hoá đơn số 69 ngày 05/12/2022, số tiền 92.610.000 đồng; Giấy rút dự toán số 93 ngày 30/12/2022, thanh toán tiền sửa chữa công trình sân khấu, hoá đơn số 115 ngày 29/12/2022, số tiền 39.249.000 đồng; lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thanh quyết toán (*lập dự toán, thanh toán công trình bao gồm 10% thuế GTGT*), sai số tiền 714.000 đồng; lập hoá đơn, chứng từ chưa kịp thời, đảm bảo theo quy định tại khoản 1, Điều 9, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán; Giấy rút dự toán số 94 ngày 30/12/2022, thanh toán tiền sửa chữa công trình không gian văn hoá bảo tồn dân tộc, hoá đơn số 46 ngày 29/12/2022, số tiền 94.845.000 đồng, lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thanh quyết toán công trình (*lập dự toán, thanh toán công trình bao gồm 10% thuế GTGT*), sai số tiền 1.724.000 đồng, chưa đảm bảo theo quy định khoản 2, Điều 12, Điều 13, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về chi phí quản lý, đầu tư xây dựng và Điều 3, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội; các nội dung trên lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo quy định tại Điều 4, Điều 5, Thông tư số 65/2021/TT/BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính; Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT/BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

3.1.3. Trường Tiểu học xã Ta Gia

Giấy rút dự toán số 32 ngày 15/4/2021, thanh toán tiền sửa chữa, nâng cấp, cải tạo công trình điểm trường trung tâm, bản Hỳ, bản Gia, bản Khem, bản

Ten Co Mu, hoá đơn số 0000003 ngày 06/4/2021, số tiền 89.065.000 đồng; qua kiểm tra, xác minh thực tế (*do giáo viên, nhân viên nhà trường làm*), thanh toán sai số tiền nhân công 5.565.000 đồng; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 3.217.000 đồng; Giấy rút dự toán số 39 ngày 28/4/2021, thanh toán tiền sửa chữa, nâng cấp cải tạo điểm trường trung tâm, bản Huồi Cày, bản Mỹ, bản Gia, hoá đơn số 0000006 ngày 06/4/2021, số tiền 99.925.000 đồng; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 3.157.000 đồng; Giấy rút dự toán số 80 ngày 16/8/2021, thanh toán tiền nâng cấp phòng thư viện, hoá đơn số 0000082 ngày 09/8/2021, số tiền 28.674.000 đồng; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 906.000 đồng; Giấy rút dự toán số 74 ngày 30/9/2022, thanh toán tiền sơn, sửa chữa nâng cấp điểm trường bản Gia, hoá đơn số 26 ngày 30/9/2022, số tiền 99.568.000 đồng; các nội dung trên lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo quy định Điều 4, Thông tư số 92/2017/TT/BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính, Điều 9; Điều 4, Điều 5, Thông tư số 65/2021/TT/BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính và Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Giấy rút dự toán số 82 ngày 26/8/2021, thanh toán tiền mua chè khô, hoá đơn số 0012537 ngày 06/8/2021, số tiền 1.890.000 đồng; Giấy rút dự toán số 115 ngày 14/12/2021, thanh toán tiền mua chè khô, hoá đơn số 0050923 ngày 30/11/2021, số tiền 1.860.000 đồng; chi vượt định mức quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ số tiền 750.000 đồng;

Giấy rút dự toán số 96 ngày 29/9/2021, thanh toán tiền nghỉ phép hè, số tiền 19.739.600 đồng; Giấy rút dự toán số 71 ngày 22/9/2022, thanh toán tiền nghỉ phép hè số tiền 34.297.600 đồng; chi không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư 57/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, sai số tiền 6.247.000 đồng;

3.1.4. Trường Tiểu học xã Mường Than

Giấy rút dự toán số 033 ngày 16/4/2021, thanh toán tiền mua rèm; hoá đơn số 0038355 ngày 05/04/2021, số tiền 96.024.000 đồng; lập dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT/BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Giấy rút dự toán số 042 ngày 05/5/2021, thanh toán tiền sửa chữa thiết bị tin học, lắp đặt hệ thống camera; hoá đơn số 0038025 ngày 28/4/2021, số tiền 33.222.000 đồng; Giấy rút dự toán số 053 ngày 21/6/2021, thanh toán tiền mua vật tư, hàng hoá; hoá đơn số 0001457 ngày 16/4/2021, số tiền 5.904.000 đồng; Giấy rút dự toán số 055 ngày 21/6/2021, thanh toán tiền mua chè, nước, vật tư văn phòng; hoá đơn số 0011809 ngày 15/6/2021, số tiền 8.814.000 đồng; Giấy rút dự toán số 056 ngày 21/6/2021, thanh toán tiền biển, bảng, băng rôn; hoá đơn số 000012051 ngày 18/6/2021, số tiền 24.855.000 đồng; ngày tháng

năm lập lập hoá đơn, chứng từ chưa hợp lý, kịp thời, đảm bảo định tại điểm a, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán;

Giấy rút dự toán số 43 ngày 10/5/2021, thanh toán tiền xây tường rào, lắp máng INOX rửa tay, làm vòm trang trí, lắp hệ thống cột thép...; hoá đơn số 0000087 ngày 03/5/2021, số tiền 54.243.000 đồng; lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo quy định Điều 4, Thông tư số 92/2017/TT/BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính và Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT/BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 1.168.000 đồng;

Giấy rút dự toán số 077 ngày 07/9/2021, thanh toán tiền mua thiết bị máy chiếu, thiết bị phòng học thông minh, hoá đơn số 0011734 ngày 06/8/2021, số tiền 96.150.000 đồng; lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT/BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Giấy rút dự toán số 013 ngày 02/03/2022, thanh toán tiền vẽ tranh lớp học, hoá đơn số 0091860 ngày 10/02/2022, số tiền 97.077.022 đồng; lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Thông tư số 65/2021/TT/BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính và Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Giấy rút dự toán số 070 ngày 06/8/2021, thanh toán tiền nghỉ phép hè cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, số tiền 55.333.600 đồng; Rút dự toán số 067 ngày 03/8/2022, thanh toán tiền nghỉ phép hè cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, số tiền 65.728.000 đồng; chi không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư 57/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, sai số tiền 4.855.000 đồng.

3.1.5. Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên

Giấy rút dự toán đơn số 26 ngày 08/4/2021, thanh toán tiền thay thế thiết bị máy tính, hoá đơn số 0038014 ngày 24/3/2021, số tiền 68.582.000 đồng; lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; Rút dự toán số 53 ngày 15/6/2021, chuyển tiền thay thế thiết bị máy tính, hoá đơn số 38047 ngày 25/5/2021, số tiền 19.095.000 đồng; các nội dung trên lập hoá đơn, chứng từ không kịp thời, đảm bảo quy định tại tại điểm a, khoản 2, Điều 16, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán;

Giấy rút dự toán số 62 ngày 30/6/2021, thanh toán tiền sửa chữa nhà xe, cửa vách ngăn kho chứa đồ...hoá đơn số 0000016 ngày 21/6/2021, số tiền 78.486.000 đồng; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 1.738.000 đồng; Rút dự toán số 112, ngày 27/12/2021, thanh toán tiền sửa nhà

thu viện; hoá đơn số 0000024, số tiền 49.021.000 đồng; thanh toán chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 1.058.000 đồng; lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo quy định Điều 4, Thông tư số 92/2017/TT/BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính và Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT/BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; ngày tháng năm lập lập hoá đơn, chứng từ chưa hợp lý, kịp thời, đảm bảo định tại điểm a, khoản 2, Điều 16, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán;

Giấy rút dự toán số 102, ngày 30/11/2022, thanh toán tiền mua sắm, sửa chữa thiết bị máy tính, hoá đơn số 000000009 ngày 26/11/2022, số tiền 49.647.000 đồng; lập hoá đơn, chứng từ chưa kịp thời, đảm bảo theo khoản 1, Điều 9, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, quy định về hoá đơn; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán;

Giấy rút dự toán số 118, ngày 23/12/2022, thanh toán tiền sửa chữa sân thể dục, hoá đơn 22/12/2022, số tiền 81.219.000 đồng; thanh toán chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế không đúng thực tế thi công, sai số tiền 1.752.000 đồng; lập hồ sơ, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo quy định tại Điều 4, Điều 5, Thông tư số 65/2021/TT/BTC ngày 29/7/2021 và Điều 9, Thông tư số 58/2016/TT/BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; lập hoá đơn không đảm bảo, kịp thời theo khoản 1, Điều 9, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, quy định về hoá đơn; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán.

3.2. Sử dụng nguồn kinh phí không thường xuyên

Đơn vị được giao nguồn kinh phí thực hiện các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập cho học sinh theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2020 của Chính phủ; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ cho học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; kinh phí hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 10/2020/HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; kinh phí hỗ trợ cho giáo viên nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

Năm 2021, 2022 các đơn vị được giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên, số tiền 7.670.831.648 đồng, trong đó: Năm 2021, được giao, số tiền 3.471.438.221 đồng, thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí, số tiền 3.438.929.121 đồng, đạt 99,1% dự toán giao; Năm 2022, được giao, số tiền 4.199.393.427 đồng, thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí, số tiền 4.194.805.527 đồng, đạt 99,9% dự toán.

Qua thanh tra cho thấy nguồn kinh phí được sử dụng chi trả chế độ hỗ trợ nấu ăn, mua sắm dụng cụ thể thao, thuốc uống cho học sinh bán trú và đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật cơ bản đúng đối tượng, nội dung, định mức, chế độ, tiêu chuẩn; việc quyết toán được thực hiện theo từng nguồn kinh phí, tuân thủ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tại đơn vị còn tồn tại, hạn chế:

3.2.1. Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung

Rút dự toán số 41 ngày 29/4/2022, thanh toán tiền mua dụng cụ thể thao cho học sinh bán trú năm học 2020-2021; hoá đơn số 0099096 ngày 08/4/2022, số tiền 30.100.000 đồng; Rút dự toán số 43 ngày 29/4/2022; thanh toán tiền mua thuốc, vật tư y tế cho học sinh bán trú năm học 2020-2021, hoá đơn số 34,35 ngày 28/4/2022, số tiền 15.050.000 đồng; ngày tháng năm lập chứng từ, hoá đơn chưa kịp thời, đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 16, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán; thời gian mua dụng cụ thể thao, thuốc và thời gian đưa vào sử dụng chưa đảm bảo so với thời gian học tập thực tế của học sinh.

Thanh toán vượt định mức giá mua nguyên liệu nấu ăn cho học sinh bán trú theo Báo giá của Phòng Tài chính - Kế hoạch, số tiền 4.100.000 đồng.

3.2.2. Trường Tiểu học xã Ta Gia

Giấy rút dự toán số 105 ngày 25/11/2021, thanh toán tiền mua dụng cụ thể thao cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2020-2021, số tiền 19.300.000 đồng, hoá đơn số 0049095 ngày 01/10/2021; lập hoá đơn, chứng từ chưa kịp thời, đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 16, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính; khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán; Giấy rút dự toán số 110 ngày 29/11/2021, thanh toán tiền thuốc vật tư y tế cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2020-2021, hoá đơn số 0001554 ngày 11/11/2021, số tiền 9.650.000 đồng; lập hoá đơn, chứng từ chưa kịp thời, đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 16, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính và khoản 3, Điều 6, Luật Kế toán; thời gian mua dụng cụ thể thao, thuốc và thời gian đưa vào sử dụng chưa đảm bảo so với thời gian học tập thực tế của học sinh;

Thanh toán vượt định mức giá mua nguyên liệu nấu ăn theo Báo giá của Phòng Tài chính - Kế hoạch, số tiền 10.258.000 đồng.

4. Việc thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách

Các đơn vị thực hiện quyết toán hàng năm, số liệu quyết toán có đối chiếu với Kho bạc Nhà nước huyện, đúng thời hạn quy định, số liệu báo cáo quyết toán đầy đủ, kịp thời, chính xác.

Thực hiện việc công khai dự toán, công khai tình hình thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày

28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; công khai các hoạt động của nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

Công tác kế toán tại các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, thực hiện chế độ báo cáo tài chính; sổ sách phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; hồ sơ, chứng từ kế toán được lập, lưu trữ đầy đủ, đúng biểu mẫu, cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán.

II. NGUỒN TÀI CHÍNH KHÁC

Trong năm 2021, 2022 có 02 đơn vị thực hiện các khoản thu, chi các hoạt động tài chính khác ngoài ngân sách: Trường Tiểu học xã Ta Gia, Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên. Căn cứ các văn bản⁹ quy định về thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập, hàng năm, Ban Giám hiệu xây dựng Kế hoạch thu, chi các khoản xã hội hoá, trình UBND xã, thị trấn phê duyệt¹⁰; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động, thống nhất thu một số nội dung theo thoả thuận; thu theo quy định bảo hiểm y tế; thu tự nguyện của Hội cha mẹ học sinh và thực hiện tiếp nhận các nguồn tài trợ viện trợ của các tổ chức, cá nhân, kết quả thực hiện như sau:

1. Trường Tiểu học xã Ta Gia

Tổng số thu nguồn tài trợ, nguồn cha mẹ học sinh đóng góp để thực hiện nấu ăn cho học sinh bán trú nhà ở xa trường không được hưởng chế độ năm học 2021-2022, số tiền 23.350.000 đồng, trong đó, cha mẹ học sinh đóng góp 13.350.000 đồng; tiếp nhận tài trợ từ Câu lạc bộ tình nguyện trẻ Hà Nội 10.000.000 đồng.

Tổng, chi số tiền 23.350.000 đồng, trong đó, cha mẹ học sinh đóng góp 13.350.000 đồng; tiếp nhận tài trợ từ Câu lạc bộ tình nguyện trẻ Hà Nội 10.000.000 đồng.

⁹. Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012, ban hành quy định dạy thêm, học thêm; Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018, quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022, quy định về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 17/02/2014, về việc sửa đổi điểm c, khoản 1 Điều 7 quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Công văn số 1381/HDLN-SGDĐT-STC ngày 10/10/2018 hướng dẫn của Sở Giáo dục, Sở Tài chính thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục và giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2019-2019; Công văn số 1364/UBND-GDĐT ngày 06/9/2019 của UBND huyện Than Uyên về việc hướng dẫn các khoản thi, chi tại cơ sở công lập; Công văn số 60/BHXH-QLT, ngày 12/9/2022 của BHXH huyện Than Uyên, về việc triển khai BHYT cho học sinh năm học; Công văn số 171/CV-BVLC ngày 01/08/2022 của công ty Bảo Việt Lai Châu về việc triển khai bảo hiểm toàn diện cho học sinh năm học 2022-2023; Công văn số 30/CV-HKH ngày 27/9/2021, hướng dẫn thu, chi quỹ khuyến học cho các đơn vị trường học năm 2021-2022; Công văn số 15/HD-HKH ngày 22/9/2022, về việc hướng dẫn thu, chi quỹ khuyến học trong các cơ sở giáo dục.

¹⁰. Trường Tiểu học xã Ta Gia: Kế hoạch số 72/KH-THTG ngày 25/8/2022; tờ trình số 78/TTr-THTG ngày 25/8/2022; Trường tiểu học Thị trấn Than Uyên: Tờ trình số 168/TTr-THTT ngày 20/9/2021, đề nghị phê duyệt kế hoạch thu, chi các khoản xã hội hoá năm học 2021-2022.

2. Trường Tiểu học Thị trấn Than Uyên

Tổng số thu, số tiền 4.317.169.655 đồng, trong đó, thu chuyển nguồn từ năm trước sang, số tiền 26.259.000 đồng; năm 2021, số tiền 2.195.033.740 đồng, năm 2022, số tiền 2.095.876.915 đồng.

Tổng chi là 4.269.220.955, trong đó, năm 2021, số tiền 2.201.400.440 đồng, năm 2022, số tiền 2.067.820.515 đồng, số chưa sử dụng chuyển năm sau là 47.948.700 đồng.

Ngoài ra, đơn vị còn tiếp nhận tài sản từ nguồn tài trợ, viện trợ của hội cha mẹ học sinh: Năm 2021, 05 chiếc máy chiếu, trị giá 59.150.000 đồng, năm 2022, 01 tivi Sony Share đã qua sử dụng, 03 máy chiếu, trị giá 40.300.000 đồng, hồ sơ, sổ sách kế toán nhà trường quản lý, sử dụng, theo dõi tài sản đảm bảo theo quy định.

(Chi tiết có phụ biểu 02 kèm theo)

Qua thanh tra cho thấy các đơn vị thực hiện vận động, tiếp nhận tài trợ, viện trợ đảm bảo quy định; các khoản thu được huy động trên tinh thần tự nguyện, đồng thuận, thống nhất, công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích, phục vụ trực tiếp cho các hoạt động: Nấu ăn cho học sinh bán trú; mua sắm công cụ, vật tư, tổ chức dạy học Tiếng Anh tự chọn cho học sinh lớp 1, lớp 2; nước uống, giấy vệ sinh cho học sinh; tiền thuê nhân viên vệ sinh trường lớp; mua bảo hiểm y tế cho học sinh và các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; hồ sơ, chứng từ thu, chi chặt chẽ, khoa học, các khoản thu, chi được phản ánh đầy đủ qua sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, cơ bản đảm bảo nguyên tắc thu đúng, chi đủ, tuy nhiên, Trường tiểu học thị trấn Than Uyên còn một số tồn tại, hạn chế:

Chi từ Quỹ Ban đại diện cha, mẹ học sinh, một số nội dung chi không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1, Điều 90 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, sai số tiền 9.600.000 đồng.

C. KẾT LUẬN

1. Những kết quả đạt được

Công tác lập, chấp hành dự toán, công khai tài chính, thực hiện chế độ kế toán, các đơn vị tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn; dự toán được lập cơ bản đúng nội dung, biểu mẫu thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo mục lục ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính; chấp hành dự toán được cấp có thẩm quyền giao cơ bản đảm bảo; các khoản chi có trong dự toán được duyệt; định mức, tiêu chuẩn, chế độ bám sát nội dung hoạt động và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, qua đó kiểm soát tốt việc thanh toán các chế độ cho giáo viên, nhân viên nhà trường; lập báo cáo tài chính, công khai dự toán, công khai tình hình thực hiện dự toán, quyết toán hàng năm số liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác; thực hiện chế độ kế toán đảm bảo quy định, sổ sách phản ánh đầy đủ, cơ bản kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các hoạt động thu, chi tài chính khác được các đơn vị tổ chức thực hiện huy động thu, chi cơ bản đảm bảo; sử dụng đúng mục đích, phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dạy và học; được công khai, phổ biến trong các cuộc họp với hội cha mẹ học sinh vào thời điểm đầu năm học mới và kết thúc năm học; các khoản thu, chi được phản ánh đầy đủ qua sổ sách kế toán, báo cáo tài chính.

Hồ sơ, chứng từ kế toán sắp xếp gọn gàng, khoa học, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Công tác lập hồ sơ, phân bổ dự toán kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động mua sắm tài sản, trang thiết bị; bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất tại các đơn vị còn có nội dung chưa đảm bảo quy định.

Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị còn tồn tại, hạn chế như: Việc thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị và bảo dưỡng, sửa chữa, cơ sở vật chất, hàng năm các đơn vị không quy định cụ thể định mức; không lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa và dự toán chi tiết đính kèm đề bàn bạc, thống nhất trong cuộc họp cán bộ, viên chức; có đơn vị quy định thanh toán chế độ làm thêm giờ cho giáo viên, nhân viên, chưa đảm bảo theo Luật Lao động năm 2019; một số đơn vị căn cứ văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, đã bị thay thế, bãi bỏ, không còn phù hợp; các đơn vị thiếu quy định nội dung về xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt định mức khoán trong quy chế.

Việc chấp hành dự toán còn sai sót, cụ thể: Một số chứng từ chi chưa đảm bảo tiêu thức “ngày, tháng, năm” lập hoá đơn, thời điểm lập hoá đơn; hoá đơn, chứng từ chưa phản ánh đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, thiếu chặt chẽ, hợp lý về mặt thời gian; có nội dung thanh toán vượt định mức quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; thanh toán chế độ công tác phí không phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn, thanh toán chế độ nghỉ phép tại một số trường không đúng đối tượng; lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thanh quyết toán việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản còn có nội dung không đúng với thực tế thi công, còn sai sót qua kiểm tra, xác minh thực tế.

Thực hiện việc mua sắm vật tư, thiết bị, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản chưa hiệu quả, tiết kiệm, một số nội dung không mang tính cần thiết, cấp bách cụ thể: Lập dự toán duy tu, sửa chữa cơ sở vật không phù hợp với tình hình thực tế thi công; thường xuyên sửa chữa, thay thế thiết bị tin học đã hết khấu hao từ nhiều năm; vẽ tranh trang trí bên ngoài lớp học; hàng năm trả phí cho một số phần mềm không mang tính ứng dụng cao.

Thực hiện một số chế độ, chính sách cho học sinh bán trú theo năm học của một số đơn vị còn chậm, chưa kịp thời, đảm bảo quy định (*thuốc, dụng cụ học tập, thẻ dự thể thao*); một số đơn vị chi vượt định mức đơn giá mua thực phẩm nấu ăn cho học sinh bán trú theo Báo giá của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Việc thực hiện chi từ thu nguồn thu huy động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, một số nội dung chi không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Hiệu trưởng các trường chủ yếu làm công tác quản lý về giáo dục, không có chuyên môn sâu về lĩnh vực quản lý tài chính nên việc kiểm tra, kiểm soát các nội dung liên quan đến chế độ, chính sách còn sai sót; chưa thường xuyên cập nhật các văn bản liên quan để áp dụng; công tác chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát nội dung chi, định mức chi có thời điểm chưa kịp thời, còn có nội dung chưa phù hợp.

- Kế toán chưa thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các văn bản liên quan để áp dụng dẫn đến việc tham mưu thanh toán một số nội dung chưa đảm bảo; tham mưu chi trả một số chế độ cho học sinh còn sai sót; thu thập, phản ánh chưa kịp thời, đầy đủ chứng từ đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh dẫn đến việc lập chứng từ kế toán chưa đảm bảo theo quy định.

- Hiệu trưởng, Kế toán chưa thường xuyên nghiên cứu về lĩnh vực xây dựng nên việc kiểm tra, kiểm soát hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công, dự toán và công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán việc bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất có nội dung chưa đảm bảo.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Các văn bản quy định của pháp luật về tài chính ngân sách, chế độ chính sách, thường xuyên thay đổi nên việc cập nhật, nghiên cứu của Hiệu trưởng, Kế toán còn hạn chế.

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, chế độ, chính sách cho giáo viên, học sinh còn có nội dung chưa quy định cụ thể về đối tượng, thời gian chi trả chế độ như: Chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2020 của Chính phủ; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, của Chính phủ; văn bản quy phạm pháp luật thực hiện chế độ nghỉ phép đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính; Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06/5/2014 của Bộ Tài chính quy định đối tượng được thanh toán chưa cụ thể, nội dung không còn phù hợp so với pháp luật hiện hành¹¹ nhưng chưa được thay thế, bãi bỏ gây khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện.

4. Trách nhiệm

Những tồn tại, hạn chế trên trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng các đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, có thời điểm chưa quan tâm, kiểm tra, đôn đốc, kiểm soát người có trách nhiệm thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ; Kế toán các đơn vị chưa thực hiện hết trách nhiệm trong công tác tham mưu chi trả chế độ, chính sách cho giáo viên, nhân viên, học sinh và thanh toán các khoản chi thường xuyên chưa đảm bảo định mức, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

¹¹. Luật Lao động năm 2019; Văn bản hợp nhất Luật cán bộ, công chức số 25/VBHP-VPQH ngày 16/12/2019 và Nghị định số 145/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ;

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Về hành chính

Yêu cầu các đơn vị tổ chức họp kiểm điểm, nêu rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với những hạn chế, khuyết điểm trong việc thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách và các hoạt động tài chính khác trong năm 2021-2022; nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, tổ chức thực hiện nghiêm túc kết luận, kiến nghị, xử lý về thanh tra.

2. Về kinh tế

Thu hồi nộp ngân sách nhà nước, số tiền **86.278.000 đồng**.

(Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn)

(Chi tiết có phụ biểu 03 kèm theo)

3. Về công tác quản lý

3.1. Đối với các cơ quan chuyên môn

Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chỉ đạo các tập thể, cá nhân có liên quan tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, thực hiện nghiêm túc kết luận thanh tra.

Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch, kiến nghị Sở Tài chính bổ sung một số danh mục hàng hoá (*thực phẩm tươi sống, dầu ăn, nước mắm, mì chính...*) vào nội dung báo giá thị trường trên địa bàn huyện hàng tháng, để các đơn vị có thêm cơ sở mua bán hàng hoá phục vụ nấu ăn bán trú cho học sinh.

Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo tăng cường công tác kiểm tra, đề kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, hướng dẫn các đơn vị trong quản lý, sử dụng ngân sách và các hoạt động tài chính khác đảm bảo phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm theo đúng quy định.

3.2. Đối với các đơn vị trường học

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật trong lập dự toán, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, chấp hành đúng dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chấn chỉnh việc lập dự toán, kế hoạch và thực hiện quy trình mua sắm tài sản, trang thiết bị; bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất cho đảm bảo theo quy định; thực hiện quản lý, chi trả đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho các đối tượng thụ hưởng đảm bảo quy trình, thủ tục, chế độ, định mức quy định; lập hoá đơn, chứng từ chặt chẽ, hợp lý, kịp thời, đảm bảo, phản ánh đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; rà soát, thống kê các tài sản đã hết khấu hao đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh lý tài sản, giảm chi phí sửa chữa thay thế thiết bị máy tính đã hết khấu hao, kém hiệu quả; quản lý chặt chẽ tài sản, thiết bị gắn với trách nhiệm của cá nhân để nâng cao hiệu quả, thời gian sử dụng; thực hiện rà soát toàn bộ các phần mềm đang trả phí, cắt giảm các phần mềm có tính ứng dụng thấp hoặc không cần thiết cho công tác quản lý giáo dục; thực hiện hiệu quả, tiết kiệm, một số nội dung không mang tính cần thiết, cấp bách để cải thiện thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị.

Tăng cường công tác quản lý, thu, chi các hoạt động tài chính khác theo nguyên tắc thu đúng, chi đủ; thực hiện đảm bảo chế độ, định mức, đầy đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định.

E. THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA

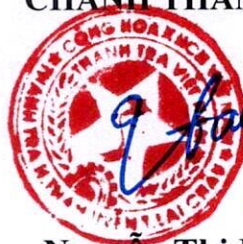
Hiệu trưởng các trường thực hiện nghiêm túc nội dung kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, báo cáo kết quả về Thanh tra huyện sau 15 ngày kể từ ngày Kết luận thanh tra có hiệu lực pháp luật.

Trên đây là Kết luận thanh tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách và các hoạt động tài chính khác của Thanh tra huyện tại Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung; Trường Tiểu học các xã, thị trấn: Mường Mít, Ta Gia, Mường Than, Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu năm 2021-2022/.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Huyện uỷ;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các cơ quan, đơn vị là đối tượng thanh tra;
- Lưu: VT, hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thị Khánh Ly

TỔNG HỢP

NGUỒN KINH PHÍ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021-2022

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 29/01/2024 của Chánh Thanh tra huyện Thanh Uyên)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được cấp trong năm (tế cả điều chỉnh, bổ sung)			DT đã sử dụng để nghị quyết toán			Số đã quyết toán			Số chuyển nguồn, hủy bỏ dự toán		
		Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng	Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng	Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng	Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng
	Tổng cộng:	42.554.411.821	44.291.468.227	86.845.880.048	42.431.334.721	44.286.880.327	86.718.215.048	42.431.334.721	44.286.880.327	86.718.215.048	123.077.100	4.587.900	127.665.000
	Kinh phí thường xuyên	39.082.973.600	40.092.074.800	79.175.048.400	38.992.405.600	40.092.074.800	79.084.480.400	38.992.405.600	40.092.074.800	79.084.480.400	90.568.000	-	90.568.000
	Kinh phí không thường xuyên	3.471.438.221	4.199.393.427	7.670.831.648	3.438.929.121	4.194.805.527	7.633.734.648	3.438.929.121	4.194.805.527	7.633.734.648	32.509.100	4.587.900	37.097.000
1	Trường Tiểu học xã Tả Mung	10.188.957.169	11.087.948.627	21.276.905.796	10.138.649.469	11.083.360.727	21.222.010.196	10.138.649.469	11.083.360.727	21.222.010.196	50.307.700	4.587.900	54.895.600
-	KP thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ	8.125.362.200	8.211.945.800	16.337.308.000	8.098.913.600	8.211.945.800	16.310.859.400	8.098.913.600	8.211.945.800	16.310.859.400	26.448.600	-	26.448.600
-	KP không thường xuyên	2.063.594.969	2.876.002.827	4.939.597.796	2.039.735.869	2.871.414.927	4.911.150.796	2.039.735.869	2.871.414.927	4.911.150.796	23.859.100	4.587.900	28.447.000
2	Trường Tiểu học xã Mường Mít	4.765.170.500	4.949.464.000	9.714.634.500	4.756.170.500	4.949.464.000	9.705.634.500	4.756.170.500	4.949.464.000	9.705.634.500	9.000.000	-	9.000.000
-	KP thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ	4.690.560.500	4.856.454.000	9.547.014.500	4.681.560.500	4.856.454.000	9.538.014.500	4.681.560.500	4.856.454.000	9.538.014.500	9.000.000	-	9.000.000
-	KP không thường xuyên	74.610.000	93.010.000	167.620.000	74.610.000	93.010.000	167.620.000	74.610.000	93.010.000	167.620.000	-	-	-
3	Trường Tiểu học xã Tả Gia	8.720.991.452	8.207.522.600	16.928.514.052	8.689.279.352	8.207.522.600	16.896.801.952	8.689.279.352	8.207.522.600	16.896.801.952	31.712.100	-	31.712.100
-	KP thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ	7.643.954.200	7.692.350.000	15.336.304.200	7.617.492.100	7.692.350.000	15.309.842.100	7.617.492.100	7.692.350.000	15.309.842.100	26.462.100	-	26.462.100
-	KP không thường xuyên	1.077.037.252	515.172.600	1.592.209.852	1.071.787.252	515.172.600	1.586.959.852	1.071.787.252	515.172.600	1.586.959.852	5.250.000	-	5.250.000
4	Trường Tiểu học xã Mường Than	10.235.027.000	10.967.642.000	21.202.669.000	10.216.969.700	10.967.642.000	21.184.611.700	10.216.969.700	10.967.642.000	21.184.611.700	18.057.300	-	18.057.300
-	KP thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ	9.991.131.000	10.391.749.000	20.382.880.000	9.976.473.700	10.391.749.000	20.368.222.700	9.976.473.700	10.391.749.000	20.368.222.700	14.657.300	-	14.657.300
-	KP không thường xuyên	243.896.000	575.893.000	819.789.000	240.496.000	575.893.000	816.389.000	240.496.000	575.893.000	816.389.000	3.400.000	-	3.400.000
5	Trường Tiểu học thị trấn Thanh Uyên	8.644.265.700	9.078.891.000	17.723.156.700	8.630.265.700	9.078.891.000	17.709.156.700	8.630.265.700	9.078.891.000	17.709.156.700	14.000.000	-	14.000.000
-	KP thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ	8.631.965.700	8.939.576.000	17.571.541.700	8.617.965.700	8.939.576.000	17.557.541.700	8.617.965.700	8.939.576.000	17.557.541.700	14.000.000	-	14.000.000
-	KP không thường xuyên	12.300.000	139.315.000	151.615.000	12.300.000	139.315.000	151.615.000	12.300.000	139.315.000	151.615.000	-	-	-

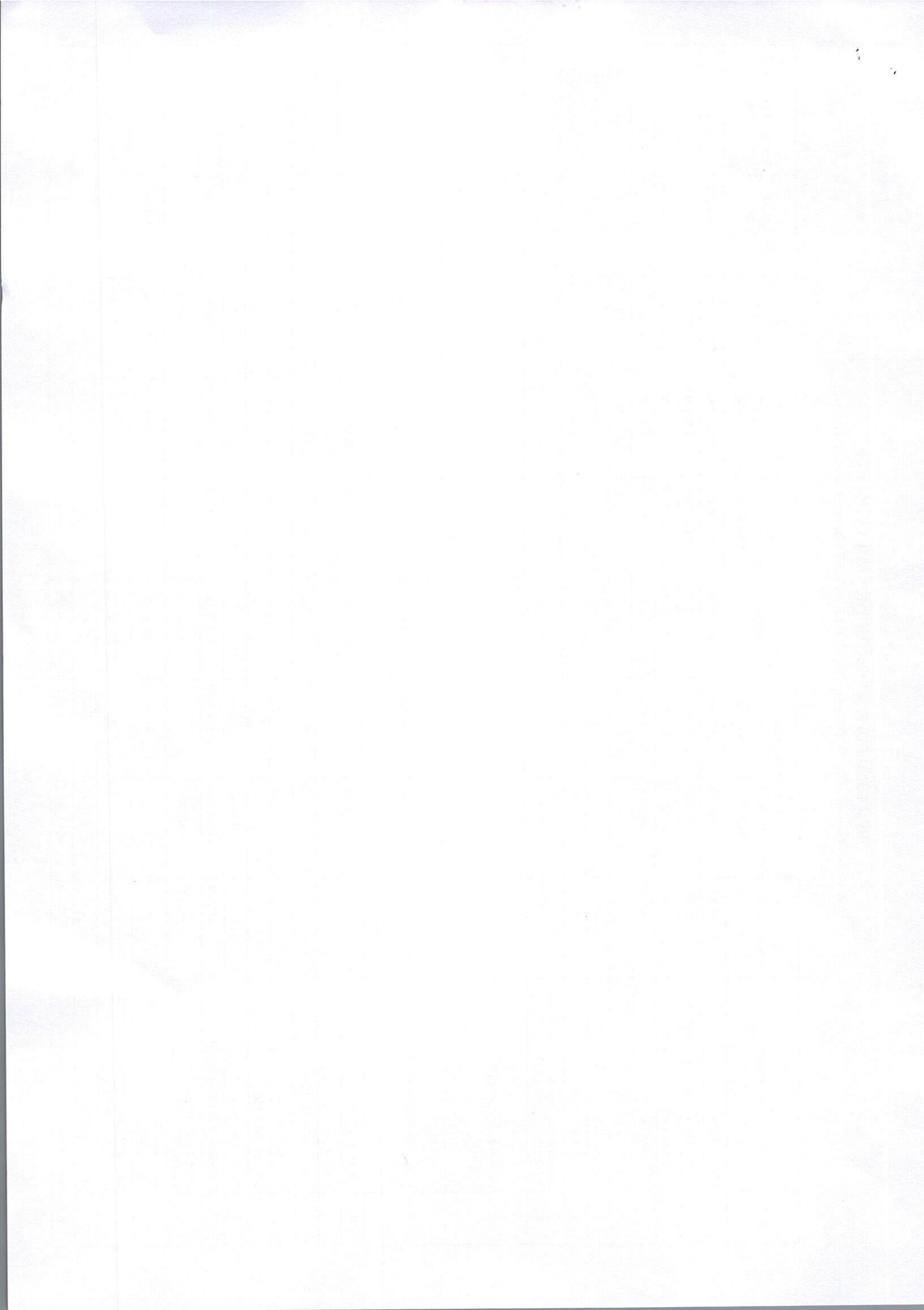


BIỂU TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU - CHI XÃ HỘI HÓA

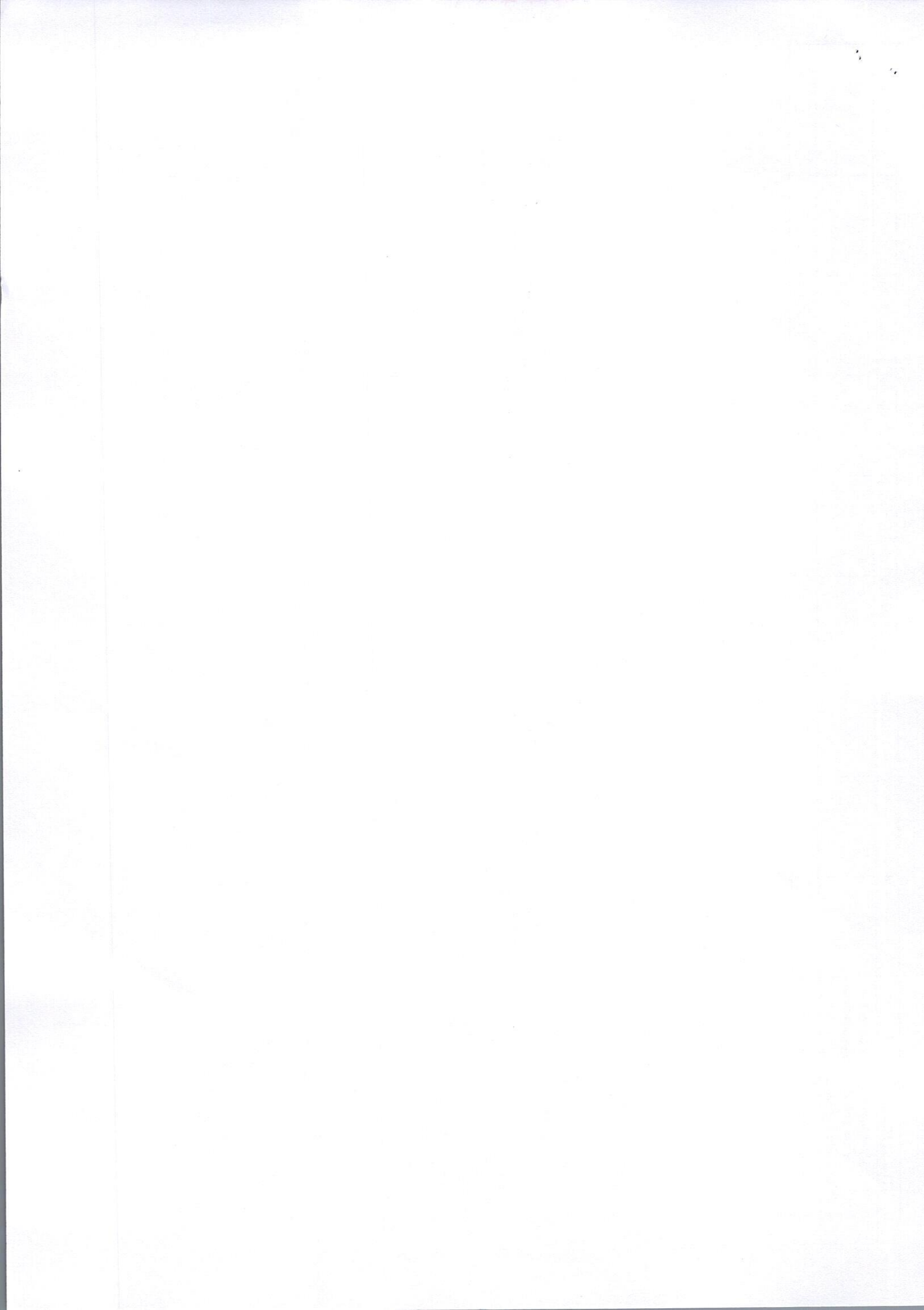
(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 29/01/2024 của Chánh Thanh tra huyện Than Uyên)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số dư năm trước chuyển sang	Tổng thu trong năm		Tổng thu	Tổng chi		Số chưa sử dụng	Nguyên nhân chưa sử dụng
			Năm 2021	Năm 2022		Năm 2021	Năm 2022		
	Tổng kinh phí	26.259.000	2.195.033.863	2.119.226.915	4.340.519.778	2.201.400.440	2.091.170.515	47.948.823	
A	Trưởng Tiểu học Thị trấn Than Uyên	26.259.000	2.195.033.863	2.095.876.915	4.317.169.778	2.201.400.440	2.067.820.515	47.948.823	
I	Các khoản thu theo thỏa thuận	20.947.000	1.528.113.000	1.417.178.800	2.966.238.800	1.531.781.700	1.415.047.400	19.409.700	
1	Tiền ăn bán trú	6.612.000	1.010.401.000	705.698.000	1.722.711.000	1.013.270.000	703.249.000	6.192.000	Hs nghỉ
2	Thu phục vụ bán trú		257.829.000	208.313.000	466.142.000	257.285.500	207.292.500	1.564.000	Chi theo thực tế PS
3	Tiền mua sắm công cụ, vật tư	13.459.000	34.365.000	26.720.000	74.544.000	44.684.000	26.484.300	3.375.700	Chi theo thực tế PS
4	Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2		177.230.000	185.220.000	362.450.000	177.230.000	176.942.000	8.278.000	Chi theo thực tế PS
5	Thu tiền nước uống, giấy vệ sinh năm học 2021-2022(T9/2021- T5/2022);	876.000	48.288.000	150.539.800	199.703.800	39.312.200	150.539.800	9.851.800	
6	Nước uống năm học 2022-2023(T9/2022- T5/2023)			52.758.000	52.758.000		52.758.000	-	Trong đó: Trả lại cho hội cha mẹ học sinh tiền nước uống 21,518 triệu đồng
7	Vệ sinh năm học 2022-2023(T9/2022- T5/2023)			87.930.000	87.930.000		97.781.800	9.851.800	Trong đó: Trả lại cho hội cha mẹ học sinh tiền vệ sinh 14,157 triệu đồng
II	Các khoản thu theo quy định		554.020.740	527.033.115	1.081.053.855	554.020.740	527.033.115	-	
	Thu học phí				-			-	
	Thu dạy thêm học thêm				-			-	
	Thu trông giữ xe				-			-	
	Thu quỹ đoàn, đội				-			-	
	Thu bảo hiểm y tế		554.020.740	527.033.115	1.081.053.855	554.020.740	527.033.115	-	
III	Các khoản kinh phí tự nguyện	5.312.000	112.900.123	151.665.000	269.877.123	115.598.000	125.740.000	28.539.123	
1	Quỹ Khen thưởng, Ban đại diện CMHS năm học 2021-2022(T9/2021- T5/2022)	5.312.000	100.600.000		105.912.000	103.298.000		2.614.000	Chi theo thực tế PS
2	Quỹ Khuyến học năm học 2022-2023(T9-2022-T5/2023)			89.884.000	89.884.000		63.670.000	26.214.000	
3	Quỹ Ban đại diện CMHS năm học 2022-2023(T9-2022-T5/2023)		123	51.781.000	51.781.123		52.070.000	288.877	Chi theo thực tế PS
4	Bảo hiểm Bảo Việt		12.300.000	10.000.000	22.300.000	12.300.000	10.000.000	-	
5	Bảo hiểm Bảo Việt		12.300.000	10.000.000	22.300.000	12.300.000	10.000.000	-	



B	Trường Tiểu học xã Ta Gia	0	0	23.350.000	23.350.000	0	23.350.000	23.350.000	0	0
I	Các khoản thu theo thỏa thuận với hội cha mẹ học sinh để phục vụ nấu ăn cho học sinh ở xa trường			13.350.000	13.350.000		13.350.000	13.350.000	-	
II	Các khoản thu tài trợ, viện trợ			10.000.000	10.000.000		10.000.000	10.000.000	-	



TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ THU HỒI NỘP NGÂN SÁCH

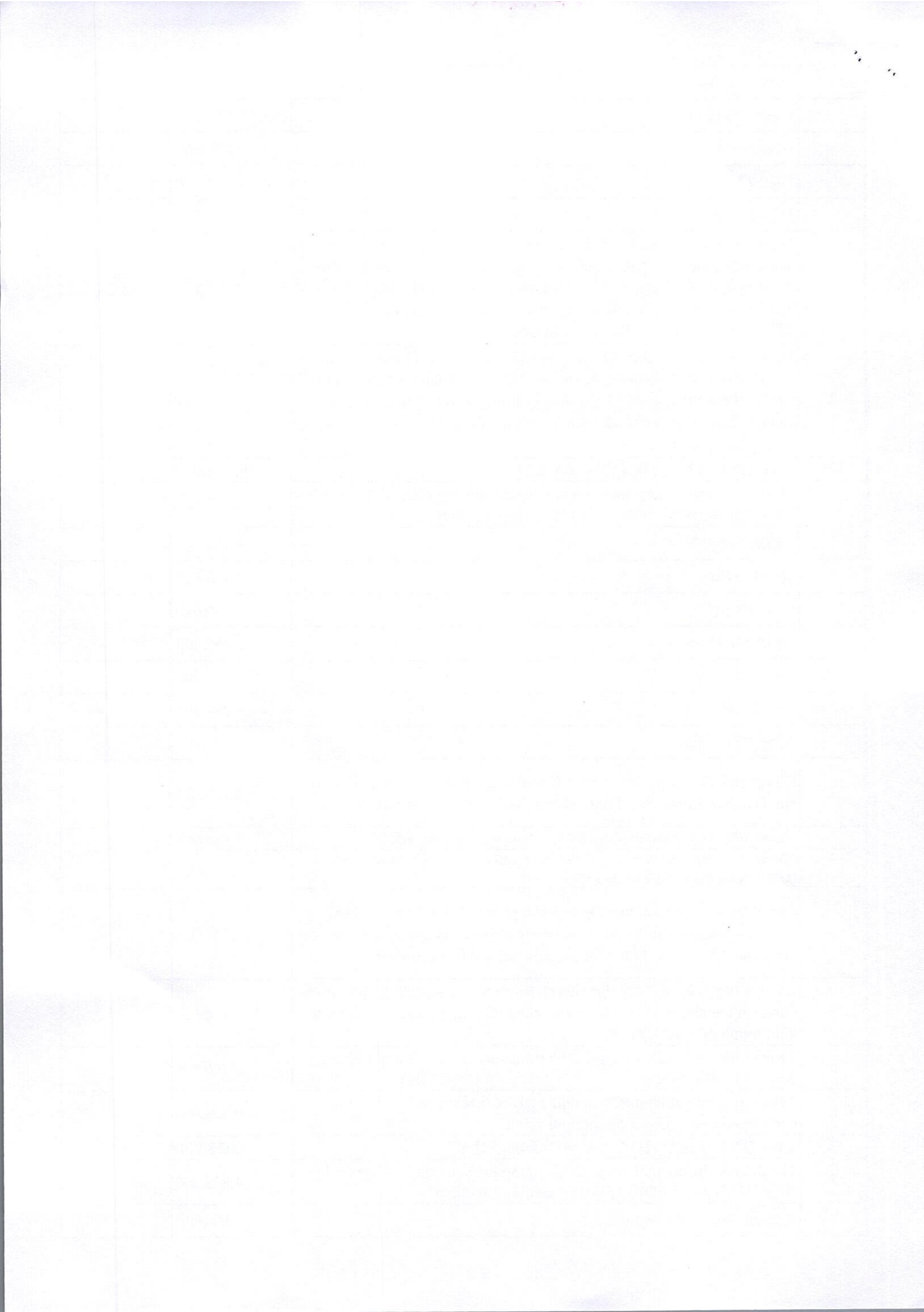
(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 29/01/2024 của Chánh Thanh tra huyện Than Uyên)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	86.278.000	
I	TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC TÀ MUNG	24.116.000	
1	Thanh toán chế độ nghỉ phép sai đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 57/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính	16.391.000	-
	<i>Trần Thị Thuý Nga</i>	590.400	
	<i>Hoàng Thị Hương</i>	1.441.600	
	<i>Vương Đức Anh</i>	1.244.400	
	<i>Hà Thị Oanh</i>	1.244.400	
	<i>Ngô Thị Nguyệt</i>	636.600	
	<i>Lò Văn Nhung</i>	1.430.600	
	<i>Hà Đức Hiệp</i>	1.450.000	
	<i>Pờ Thị Sen</i>	1.563.600	
	<i>Lò Văn Khánh</i>	1.563.600	
	<i>Nguyễn Thị Hương</i>	1.283.400	
	<i>Nguyễn Thị Thanh</i>	1.538.200	
	<i>Nông Văn Thông</i>	1.272.200	
	<i>Đào Thu Thảo</i>	642.200	
	<i>Tòng Thị Nga</i>	489.800	
2	Sửa chữa cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất công trình làm lán can nhà bán trú, khu bếp bán trú, giàn hoa: Chi sai nội dung chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán được lập không qua hồ sơ thiết kế; nội dung thanh toán không đúng với thực tế thi công	3.127.000	
3	Sửa chữa kho sách, làm xích đu: Chi sai nội dung chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán được lập không qua hồ sơ thiết kế; nội dung thanh toán không đúng với thực tế thi công	146.000	
4	Thanh toán tiền sửa chữa vườn hoa trong khuôn viên trường trung tâm: Sai số tiền thuế GTGT theo quy định quy định khoản 2, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về chi phí quản lý, đầu tư xây dựng và Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội; Chi sai nội dung chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán được lập không qua hồ sơ thiết kế	352.000	
6	Thanh toán vượt định mức tiền mua nguyên liệu, nhiên liệu nấu ăn của học sinh bán trú theo Báo giá của Phòng Tài chính - Kế hoạch	4.100.000	
II	TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ MƯỜNG MÍT	11.891.000	
1	Thanh toán tiền công tác phí cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường (Phan Thị Cừu; Đỗ Thị Duyên; Phùng Thế Bền; Đỗ Thị Tâm) tham gia hiến máu nhân đạo và ngày nghỉ (nội dung thanh toán không liên quan đến chuyên môn)	840.000	
2	Thanh toán chế độ nghỉ phép sai đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 57/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính	8.613.000	



	<i>Thèn Văn Đới</i>	1.920.000	
	<i>Vàng Văn Hạnh</i>	2.000.000	
	<i>Tòng Văn Lê</i>	1.776.000	
	<i>Vàng Thị Huyền</i>	2.235.000	
	<i>Mạ Thị Thuý</i>	682.000	
3	Thanh toán tiền sửa chữa công trình sân khấu điểm trường trung tâm: Sai số tiền thuế GTGT theo quy định quy định khoản 2, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về chi phí quản lý, đầu tư xây dựng và Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội;	714.000	
4	Thanh toán tiền sửa chữa không gian văn hoá dân tộc: Sai số tiền thuế GTGT theo quy định quy định khoản 2, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về chi phí quản lý, đầu tư xây dựng và Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội	1.724.000	
III	TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ TA GIA	30.100.000	
1	Thanh toán chế độ nghỉ phép sai đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 57/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính	6.247.000	
	<i>Vũ Đình Hiệp</i>	1.379.000	
	<i>Lò Văn Tiến</i>	1.425.000	
	<i>Lò Văn Cơi</i>	1.216.600	
	<i>Trịnh Thị Thắm</i>	1.368.600	
	<i>Lò Văn Ê</i>	269.000	
	<i>Mè Văn Sên</i>	294.400	
	<i>Nông Văn Dũng</i>	294.400	
2	Công trình sửa chữa công trình: Điểm trường trung tâm + điểm bản Hỳ, bản Gia, bản Khem, bản Ten Co Mư so với kiểm tra, xác minh thực tế	8.782.000	
	<i>Thanh toán sai tiền nhân công sai so với kiểm tra, xác minh thực tế</i>	5.565.000	
	<i>Chi sai nội dung chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán</i>	3.217.000	
3	Sửa chữa, nâng cấp cải tạo (Điểm trường trung tâm + điểm bản Huổi Cây, bản Mỹ, bản Gia); Chi sai nội dung chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán	3.157.000	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà đọc thư viện (Điểm trường trung tâm); Chi sai nội dung chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán	906.000	
5	Thanh toán vượt định mức quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị tiền chè nước	750.000	
6	Thanh toán vượt định mức tiền mua nguyên liệu nấu ăn của học sinh bán trú theo Báo giá của cơ quan tài chính	10.258.000	
IV	TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ MƯỜNG THAN	6.023.000	
1	Thanh toán chế độ nghỉ phép sai đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 57/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính	4.855.000	
	<i>Nguyễn Thị Quỳnh Trang</i>	354.800	



	<i>Đinh Thị Thuý</i>	<i>1.400.400</i>	
	<i>Nguyễn Thị Kim Tuyền</i>	<i>1.521.400</i>	
	<i>Lò Thị Là</i>	<i>1.578.400</i>	
2	Sửa chữa cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất công trình làm tường rào, lắp máng rửa tay, vòm trang trí: Chi sai nội dung chi phí nhà tạm, chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán được lập không qua hồ sơ thiết kế; nội dung thanh toán không đúng với thực tế thi công	1.168.000	
V	TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẦN THAN UYÊN	14.148.000	
1	Sửa chữa cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất công trình nhà để xe học sinh, kho chứa đồ : Chi sai nội dung chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán được lập không qua hồ sơ thiết kế; nội dung thanh toán không đúng với thực tế thi công	1.738.000	
2	Sửa chữa cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất công trình thư viện trường học: Chi sai nội dung chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán được lập không qua hồ sơ thiết kế; nội dung thanh toán không đúng với thực tế thi công	1.058.000	
3	Sửa chữa cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất công trình Sân thể dục: Chi sai nội dung chi phí một số công việc không xác định được từ khối lượng thiết kế, dự toán được lập không qua hồ sơ thiết kế; nội dung thanh toán không đúng với thực tế thi công	1.752.000	
4	Chi thanh toán một số nội dung từ nguồn kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2021-2022 không có hoá đơn theo quy định tại khoản 1, Điều 90 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 tại Phiếu chi số 05, 06, 11, 12, 15, 16	9.600.000	

